

Bản án số: 38/2017/HNGĐST.

Ngày: 05 /12 /2017.

V/v: Kiện xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH.

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

+ Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân

+ Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hải;

2. Ông Nguyễn Văn Cao.

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Anh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án Nhân dân huyện Bố Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2017/TLST– HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017, về việc: Kiện xin ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phan Thanh Đ**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Q, có mặt.

Bị đơn: Chị **Lê Hoài N**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa anh Phan Thanh Đ trình bày như sau: Anh Phan Thanh Đ và chị Lê Hoài N đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 24/8/2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Ngày 02/9/2014 chị N bỏ nhà đi cho đến nay không liên lạc gì với anh Đ và gia đình. Hiện tại chị N ở đâu, làm gì không ai biết. Anh Đ thấy rằng cuộc sống vợ chồng không tồn tại nên anh Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q tuyên bố chị N mất tích. Ngày 12/9/2017 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q tuyên bố chị N mất tích theo Quyết định số 11/2017/QĐDS-ST, ngày 12/9/2017, Quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị N đã mất tích, nên anh Đ xin ly hôn chị N.

Về con chung: Anh Đ và chị N có một con chung là Phan Lê Nguyễn H, sinh ngày 15/11/2012, từ trước tới nay ở với anh Đ, nay ly hôn anh Đ xin được nuôi con, không yêu cầu chị N đóng góp phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Xin được ly hôn với chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Cả hai phiên tòa(lần 1 và lần 2) chị N đều vắng mặt, Tòa án đã có Quyết định tuyên bố chị N mất tích, Quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa(Lần 2) theo quy định của pháp luật theo thủ tục chung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Anh Phan Thanh Đ và chị Lê Hoài N yêu nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Q vào năm 2011, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, đúng pháp luật, đáng lẽ anh, chị phải sống hạnh phúc như bao cuộc hôn nhân khác nhưng do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, chị N bỏ nhà ra đi từ ngày 02/9/2014 cho đến nay, anh Đ và gia đình không biết thông tin gì, Tòa án nhân dân huyện B đã ra Quyết định tuyên bố chị N mất tích, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Về tình cảm: Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Phan Thanh Đ và chị Lê Hoài N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại chị N mất tích, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Đ ly hôn chị N là có căn cứ.

Về con chung: Xét thấy con chung Phan Lê Nguyễn H còn nhỏ, lâu nay cháu ở với anh Đ, đã ổn định tâm lý, sinh hoạt cũng như việc học tập; chị N đã mất tích, nên giao cháu H cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, chị N không phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí vụ: Án phí vụ kiện 300.000 đồng anh Đ phải nộp để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ vợ chồng:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Thanh Đương, xử cho anh **Phan Thanh Đ** ly hôn chị **Lê Hoài N**

2. Về con chung: Áp dụng Điều 58, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, giao con chung Phan Lê Nguyễn H, sinh ngày 15/11/2012 cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng; chị N không phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Nếu sau này chị N trở về, anh Đ không được ngăn cản việc chị N thăm hỏi, chăm sóc con chung. Trong trường hợp cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3. Tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Án phí ly hôn anh Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) để sung công quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai số 0002624 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q Anh Đ đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/12/2017); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Q;
- VKS B (2 bản);
- Chi cục T.H.A DS B;
- Lưu hồ sơ, Tòa án;
- Anh Phan Thanh Đ;
- Chị Lê Hoài N
- UBND xã H (2 bản), để biết và niêm yết.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm Nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

1.

2.

Nguyễn Văn Nghĩa.